

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/HNGĐ-ST  
Ngày 12/9/2017  
V/v: *Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Thế Tương*

*Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và bà Vũ Thị Thúy*

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Công Khuông - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà : Không*

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 208/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự

1. *Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1975* ( Có mặt )

2. *Bị đơn: Anh Ngô Văn K, sinh năm 1971* (Có đơn xin xử vắng mặt)

Đều trú tại: thôn P, xã T<sub>1</sub>, huyện T<sub>2</sub>, tỉnh B

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:*

Chị và anh Ngô Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 9 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã T<sub>1</sub>, huyện T<sub>2</sub>, tỉnh B. Sau khi kết hôn

vợ chồng đều làm ruộng và sinh sống tại địa phương, do anh K không chịu tu chí làm ăn, lại nghiện ngập ma túy. Năm 2012 anh K bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi ra tù anh K không thay đổi tính nết, không tu chí làm ăn lại thường xuyên đánh đập chị, có lần đánh chị phải nhập viện. Chị đã bỏ ra ngoài để thuê nhà ở và làm ăn sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Ngô Thị N, sinh ngày 26/9/1997 và Ngô Thị HN, sinh ngày 09/12/2002. Hiện nay cháu N đã thành niên và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu HN chị đề nghị hiện tại cháu đang ở với anh K và học tập tại xã T<sub>1</sub> nên chị đề nghị giao con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định chị và anh K không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và đơn xin xử vắng mặt, bị đơn là anh Ngô Văn K trình bày :*

Anh và chị Lê Thị L kết hôn với nhau vào ngày 17 tháng 9 năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T<sub>1</sub>, huyện T<sub>2</sub>, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng sống và lao động tại địa phương. Do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nay chị L viết đơn xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung : Vợ chồng có hai con chung là Ngô Thị N, sinh ngày 26/9/1997 ( Hiện đã lấy chồng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết ) và Ngô Thị HN, sinh ngày 09/12/2002. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu HN và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản chung, nợ chung : Anh xác định anh và chị L không có tài sản chung , không có nợ chung nên không yêu tòa án giải quyết

Tại phiên toà, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi bổ sung gì. Còn bị đơn là anh Ngô Văn K trong đơn xin xử vắng mặt đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt vì anh bận phải đi làm không có thời gian về tham gia phiên tòa được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### **Về tố tụng:**

Anh Ngô Văn K có đơn xin xử vắng mặt có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 228 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

### **Về nội dung:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Ngô Văn K kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Nhưng khi về chung sống với nhau đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh K không chịu tu chí làm ăn, lại mắc tệ nạn xã hội. Năm 2012 đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi ra tù anh K lại không chịu tu chí làm ăn và thường xuyên đánh đập chị, có lần đánh chị phải đi viện. Chị L không thể chịu đựng được đã phải bỏ ra ngoài thuê nhà để sinh sống nên vợ chồng không còn tình cảm. Vì vậy mục đích hôn nhân của chị L và anh K không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét hôn nhân của chị L và anh K chỉ còn là hình thức vì trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm

gì đến nhau nữa. Chị L xin ly hôn anh K là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Ngô Thị N, sinh ngày 26/9/1997 và Ngô Thị HN, sinh ngày 09/12/2002. Hiện nay cháu N đã thành niên và có gia đình riêng nên anh K và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu HN trong quá trình giải quyết vụ án có đơn xin được ở với bố. Chị L đồng ý giao con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, anh K có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Xét yêu cầu của anh K về việc trực tiếp nuôi con chung và nguyện vọng của cháu HN là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K được trực tiếp nuôi con chung, anh K không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh cần chấp nhận.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh K thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

**Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Ngô Văn K

**Về con chung:** Giao con chung Ngô Thị HN cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K. Chị L có quyền đi lại thăm non, giáo dục con chung, anh K không được ngăn cản

**Về tài sản chung**, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

**Về án phí:** Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0001122 ngày 09/8/2017 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện T<sub>2</sub> sang thi hành án phí. Chị L đã nộp xong án phí.

Chị Lê Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Ngô Văn K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T<sub>2</sub>
- Chi cục THADS huyện T<sub>2</sub>
- TAND tỉnh TB
- UBND xã T<sub>1</sub>
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Ngô Thế Tương**